

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO

TAI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 556/2024/HC-PT

Ngày: 28/9/2024

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 305/2024/TLPT-HC ngày 17 tháng 7 năm 2024.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 400/2023/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10459/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Cao Ngọc T, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm N, thôn K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Khố B, xã K, huyện Q, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Lê Đình V - Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

(*Đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; có mặt.
- Chị Cao Kim D, sinh năm 1987; vắng mặt.
- Anh Cao Hoàng D1, sinh năm 1988; có mặt.

4. Chị Cao Thị Thu H sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm N, thôn K, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, người khởi kiện trình bày như sau:

Gia đình ông là người sử dụng hợp pháp, ổn định trên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17 (bản đồ vẽ năm 1994), diện tích khoảng 693m², thôn K, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội do ông, cha để lại. Khoảng năm 1963 đến năm 1967, Hợp tác xã N (viết tắt: HTX) vận động gia đình ông đóng góp thửa đất trên vào HTX để sử dụng thả cá, sản xuất nông nghiệp. Đến năm 1980, do tệ nạn đánh bắt cá trộm bằng điện thường xuyên xảy ra, HTX không quản lý được nên bỏ hoang, không quản lý và sử dụng nữa. Năm 1986, HTX trả lại thửa đất để gia đình ông quản lý và sử dụng (có giấy xác nhận của ông Ngô Văn D2 - nguyên là Bí thư, Chủ tịch UBND xã N và Giấy xác nhận của các xã viên HTX thời điểm đó). Bên cạnh đó, ông Nguyễn Quyết C - nguyên là Chủ nhiệm HTX nông nghiệp xã N đã xác nhận từ năm 1997 HTX nông nghiệp chuyển đổi sang HTX dịch vụ và không quản lý các ao trong xóm, trong đó có ao nhà ông sử dụng (Ghi nhận tại Vi bằng số 85/2021/VB-TPLHĐ lập ngày 20/02/2021). Đồng thời, khi bố mẹ ông giao cho ông quản lý và sử dụng thửa đất này từ năm 1986 có xác nhận của các cụ cao tuổi trong xóm và giấy xác nhận của ông Ngô Huy C1 - nguyên trưởng xóm N năm 2008.

Trước năm 2003, phần đất ao này gia đình ông thả cá. Đến năm 2003, do nguồn nước sinh hoạt của người dân chảy vào ao, gây ô nhiễm nặng, bốc mùi hôi thối nên gia đình ông đã san lấp ao, xây dựng tường rào, nhà ở cấp 4, công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi và trồng cây làm vườn (có xác nhận của các lái xe chở đất, cát, những người trồng cây thuê, thợ xây nhà, khoan giếng). Gia đình ông đã sinh sống ổn định tại thửa đất đến năm 2021, đã có hộ khẩu, được cấp điện sinh hoạt năm 2003 và nước sạch sinh hoạt năm 2009, không có tranh chấp với bất kỳ ai. Trong quá trình sử dụng thửa đất trên, gia đình ông vẫn đóng góp sản phẩm bằng thóc đầy đủ theo chủ trương, chính sách của Nhà nước cho HTX.

Ngày 11/02/2021, thửa đất trên của gia đình ông bị UBND xã N cưỡng chế trái pháp luật để xây dựng công trình công cộng. Toàn bộ tài sản của gia đình ông xây dựng trên đất từ năm 2003 đến nay đã bị UBND xã N tháo dỡ, đập phá trái pháp luật.

Việc UBND xã N căn cứ vào sổ mục kê và tờ bản đồ địa chính năm 1994 để khẳng định thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của UBND xã là không đủ căn cứ. Bởi trong sổ mục kê và tờ bản đồ địa chính không thể hiện thông tin người sử dụng đất là UBND xã N. Vì vậy, không có căn cứ để khẳng định UBND xã N là chủ sử dụng đối với thửa đất trên.

Như vậy, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17 nêu trên có nguồn gốc do cha ông để lại cho ông và được gia đình ông sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1986 cho đến nay. Việc cho HTX sử dụng thửa đất trên là tạm thời để cùng sản xuất nông nghiệp chung, gia đình ông không chuyển nhượng, tặng cho hay ký bất cứ giấy tờ gì để chuyển quyền sử dụng thửa đất trên cho HTX nông nghiệp thôn K. Bên cạnh đó, trong quá trình sử dụng đất từ năm 1986 đến năm 2020, gia đình ông chưa

từng bị các cấp chính quyền địa phương ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Ông T khởi kiện, đề nghị Tòa án:

- Hủy Thông báo số 68/TB-UBND ngày 13/6/2020 của UBND xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 320/QĐ-GQKN ngày 11/8/2020 của Chủ tịch UBND xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC ngày 16/09/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 8130/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội

- Hủy quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Hủy quyết định số 559/QĐ-CCXP ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Tuyên hành vi tổ chức cưỡng chế ngày 11/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ là trái pháp luật.

- Buộc UBND xã N, UBND huyện Đ phải công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, địa chỉ tại: xóm N, thôn K, xã N.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội và các cơ quan có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông với số tiền 646.133.938 đồng (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm ba tám đồng).

Người bị kiện Chủ tịch và UBND huyện Đ trình bày:

Nguồn gốc đất ông Cao Ngọc T quản lý sử dụng theo Bản đồ địa chính năm 1994 là thửa đất số 32, tờ bản đồ số 17, thôn K, xã N thể hiện là “đất ao”, chủ sử dụng là UBND xã N quản lý và không giao cho bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng. Hàng năm, ông Cao Ngọc T không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ngày 21/8/2020, UBND xã N đã lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 11/BB-VPHC đối với ông Cao Ngọc T về hành vi: Chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, diện tích chiếm đất khoảng 693m² theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/ND-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 16/9/2020, căn cứ vào báo cáo và tờ trình của các phòng chuyên môn, UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC đối với ông Cao Ngọc T về việc: “*Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn*”.

Ngày 08/02/2021, căn cứ vào báo cáo của UBND xã N và tờ trình của phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện ban hành Quyết định số 559/QĐ-UBND cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Cao Ngọc T

Ngày 27/01/2021, căn cứ báo cáo số 08/BC-TNMT ngày 08/01/2021 của phòng T2, UBND Huyện đã ban hành Quyết định số 261/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Cao Ngọc T, đối với Quyết định số 5910/QĐ-XPVPHC ngày 16/9/2020 của UBND huyện với nội dung: Giữ nguyên các nội dung tại Quyết định số 5910/QĐ-XPVPHC ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

Việc giải quyết khiếu nại nêu trên, UBND huyện thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Người bị kiện Chủ tịch và UBND xã N trình bày:

Ngày 23/6/2020, UBND xã N nhận được đơn của ông Cao Ngọc T khiếu nại Thông báo số 68/TB-UBND ngày 13/6/2020 của UBND xã N. Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, ngày 29/6/2020 UBND xã N đã ban hành Thông báo số 77/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Cao Ngọc T. Chủ tịch UBND xã N đã ban hành Quyết định số 320/QĐ-GQXN. Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Ngọc T.

Quá trình giải quyết, ông Cao Ngọc T không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào khẳng định quyền sử dụng hợp pháp tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, thôn K, xã N. Ngày 11/8/2020 Chủ tịch UBND xã N đã ban hành Quyết định Số 320/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Ngọc T.

Ngày 21/8/2020 UBND xã N lập biên bản vi phạm hành chính và đối với ông Cao Ngọc T do có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp, không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn theo quy định tại khoản 2, điều 14, Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do vượt quá thẩm quyền xử phạt hành chính của UBND xã nên ngày 25/8/2020, UBND xã đã có báo cáo đề nghị UBND huyện Đ ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Cao Ngọc T theo quy định.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, chị Cao Kim D, anh Cao Hoàng D1, chị Cao Thị Thu H đều nhất trí với lời trình bày của ông Cao Ngọc T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 400/2023/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011. Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm b Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Ngọc T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/12/2023, ông Cao Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị: Để giải quyết các quyết định hành chính bị kiện, và hành vi thực hiện cưỡng chế của UBND huyện Đ đúng hay sai thì cần làm rõ vấn đề ai là người sử dụng đất? Nguồn gốc đất của ông T là của cha ông để lại thuộc quyền sử dụng hợp pháp gia đình ông T. Gia đình ông T không góp đất, không hiến đất vào hợp tác xã, chỉ có cho mượn đất. Nếu ông T không có căn cứ chứng minh việc cho mượn và trả lại đất với hợp tác xã thì cũng không làm thay đổi bản chất ai là người sử dụng. Việc gia đình ông T sử dụng đất không tranh chấp với ai, có người dân làm chứng. Ủy ban huyện Đ không xuất trình tài liệu hợp pháp thể hiện đất do Ủy ban xã quản lý. Thửa đất của ông T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông T sử dụng đất là hợp pháp, các quyết định xử phạt đối với gia đình ông T là không có căn cứ, giả sử có vi phạm thì cũng hết thời hạn xử phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Cao Ngọc T có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào tờ bản đồ số 17 và Biên bản làm việc ngày 21/7/2020 của UBND xã N với những người ở cùng địa phương để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là không phù hợp với quy định pháp luật. Tờ bản đồ không phản ánh chủ sử dụng quyền sử dụng đất là ai? Biên bản làm việc ngày 21/7/2020 mâu thuẫn với lời khai của nhiều người khác. UBND xã lấy lời trình bày của 4 người, những người này đều đi xa về và còn trẻ tuổi, họ chịu sự quản lý của U không khách quan. Ông T khởi kiện 09 yêu cầu trong đó có yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội và các cơ quan có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông với số tiền 646.133.938 đồng (Sáu trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm ba tám đồng) nhưng Tòa án sơ thẩm chỉ quyết định giải quyết 08 yêu cầu là thiếu yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T hoặc hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Cao Ngọc T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Cao Ngọc T có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, thuộc đối

tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến lần thứ 2. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vụ án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, giải quyết vụ án đúng thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu của ông Cao Ngọc T về việc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Thông báo số 68/TB-UBND ngày 13/06/2020 của UBND xã N:

[4.1] Việc UBND xã N ban hành Thông báo nêu trên là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm c khoản 5 Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[4.2] Theo ông Cao Ngọc T trình bày: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, thôn K, xã N là đất ao do các cụ nhà ông để lại. Khoảng năm 1963 - 1967 đã nhập vào HTX nông nghiệp, năm 1986 HTX đã trả lại cho gia đình ông quản lý nhưng ông không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, chỉ có xác nhận của một số xã viên HTX và người cao tuổi; ông cũng không có chứng cứ để chứng minh nộp thuế sử dụng đất hàng năm với diện tích đất này.

[4.3] Bản đồ địa chính năm 1994, được Sở Địa chính phê duyệt năm 1996 thể hiện: Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, thôn K, xã N thể hiện là đất ao, sổ mục kê không ghi tên chủ sử dụng, quản lý;

[4.4] Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2020 do UBND xã N tổ chức để xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 35 tờ bản đồ số 17 đều thể hiện diện tích ao này đã được công hữu vào hợp tác xã nhiều năm. Được đo vẽ bản đồ và do UBND xã quản lý qua các thời kỳ không có căn cứ xác định đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Cao Ngọc T. Trong quá trình sử dụng đất, ông Cao Ngọc T đã nhiều lần bị UBND xã N xử lý vi phạm về sử dụng đất đai, trật tự xây dựng từ những năm 2003. Cụ thể:

- Ngày 19/12/2003 UBND xã N đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Cao Ngọc T đã có hành vi đổ đất, san lấp ao của tập thể khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Ngày 01/12/2004, Đoàn kiểm tra trật tự xây dựng xã N lập biên bản kiểm tra phát hiện ông Cao Ngọc T có hành vi: *"Quây lưới B40 xung quanh thửa đất ao thuộc tập thể quản lý và xây dựng công trình bể nước, nhà tạm và trồng một số cây cau vua khi chưa được sự cho phép của cấp có thẩm quyền"* và xử phạt hành chính.

- Ngày 16/3/2013, Đội thanh tra xây dựng xã N lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm xây dựng đối với ông Cao Ngọc T do có hành vi xây dựng tường rào và cổng trên phần đất tập thể quản lý và

cùng ngày đã dỡ bỏ toàn bộ phần tường gạch mới xây của gia đình ông Cao Ngọc T. Những sự kiện trên thể hiện ông T và gia đình đã sử dụng đất trái phép.

[4.5] Hiện tại khu đất đang được tiến hành các thủ tục thực hiện Dự án xây dựng khu sinh hoạt văn hóa cộng đồng kết hợp cây xanh, bãi đỗ xe xóm N, thôn K, xã N trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện Đề án đầu tư xây dựng huyện Đ thành quận đến năm 2025, được thành phố Hà Nội phê duyệt. Do vậy khi ông Cao Ngọc T có đơn đề nghị UBND xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã N đã ra Thông báo số 68/TB-UBND ngày 13/6/2020 về việc không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ và đúng quy định.

[5] Xét yêu cầu của ông Cao Ngọc T về việc hủy Quyết định số 320/QĐ-CT ngày 11/8/2020 của Chủ tịch UBND xã N, huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 8130/QĐ-CT ngày 03/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần 2).

[5.1] Không đồng ý với thông báo số 68/TB-UBND ngày 13/6/2020 của UBND xã N, ông Cao Ngọc T khiếu nại. Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông Cao Ngọc T người bị kiện đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ vào kết quả xác minh, Chủ tịch UBND xã N và Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[5.2] Về nội dung: Như đã phân tích tại mục [4] có đủ căn cứ xác định thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, thôn K, xã N là đất ao do chủ sử dụng UBND xã N quản lý; ông Cao Ngọc T chưa được xác lập quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, quá trình sử dụng không thực hiện các nghĩa vụ của người sử dụng đất, có nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đã bị xử lý. Vì vậy, việc Chủ tịch xã UBND Nguyên Khê và Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận việc ông Cao Ngọc T yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét yêu cầu của ông Cao Ngọc T về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC ngày 16/09/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 261/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ (*đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC*) và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 559/QĐ-CCXP ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ:

[6.1] Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC ngày 16/09/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 559 ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 261/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ (*đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC*) là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại.

[6.2] Ngày 21/8/2020 UBND xã N lập Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC đối với ông Cao Ngọc T đã có hành vi: *"Chiếm đất nông nghiệp không phải đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn"* quy định tại điểm b khoản 2 điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP của Chính Phủ. Ngày 16/9/2020 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPHC đối với ông Cao Ngọc T với hình thức xử phạt tiền 7.500.000 đồng, các biện pháp khắc phục hậu quả: *"Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được quyết định này"*. Xét thấy: Ông Cao Ngọc T có hành vi vi phạm hành chính nhiều lần, hành vi này chưa được chấm dứt tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền kiểm tra. Việc UBND huyện Đ xác định ông Cao Ngọc T có hành vi chiếm đất công là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP của Chính Phủ. Do đó, Chủ tịch UBND huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPHC ngày 16/9/2020 xử phạt 7.500.000 đồng và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trả lại tình trạng đất trước khi vi phạm là đúng pháp luật. Vì vậy, khi ông Cao Ngọc T khiếu nại đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên, Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 261/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 (đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPVPHC) với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Cao Ngọc T, giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5910/QĐ-XPHC ngày 16/9/2020 là có cơ sở.

[6.3] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 559/QĐ-CCXP ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ và hành vi tổ chức cưỡng chế ngày 11/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ: Do gia đình ông Cao Ngọc T không chấp hành Quyết định số 5910/QĐ-XPVPHC ngày 16/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ trong đó có việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: *"Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận được quyết định này"* nên Chủ tịch UBND huyện Đ đã tiếp tục ban hành quyết định số 559/QĐ-CCXP ngày 08/02/2021 để cưỡng chế thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và ngày 11/02/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ đã tiến hành tổ chức cưỡng chế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu lực của quyết định xử phạt hành chính, hiệu quả quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực đất đai.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cao Ngọc T cho rằng: Trong đơn khởi kiện của ông Cao Ngọc T còn yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường số tiền 646.133.938 đồng do hành vi cưỡng chế trái pháp luật gây ra nhưng quyết định của bản án sơ thẩm không giải quyết yêu cầu khởi kiện này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cần phải hủy bản án sơ thẩm.

Như đã phân tích, nhận định ở trên, do ông Cao Ngọc T có nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, không chấp hành quyết định xử phạt hành chính, do đó việc Chủ tịch UBND huyện Đ ra quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm đối với ông Cao Ngọc T và gia đình là cần thiết, bảo đảm hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và đúng pháp luật nên không có

nghĩa vụ phải bồi thường. Việc quyết định thiếu nội dung này là thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, cần rút kinh nghiệm.

[8] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cao Ngọc T và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cao Ngọc T về việc hủy bản án sơ thẩm hoặc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Ngọc T; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Cao Ngọc T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Cao Ngọc T.
2. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 400/2023/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Cao Ngọc T.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh